

Bản án số: **44/2017/HNGĐ-ST**

Ngày 21.9.2017

V/v “*Tranh chấp ly hôn
và quyền nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Chính**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Tấn Đạt

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều-Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2017/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thị Đ, sinh năm 1980. (*có mặt*)

Địa chỉ cư trú: Ấp KA, xã MT, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1981. (*vắng mặt*)

Địa chỉ cư trú: Ấp KA, xã MT, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện vụ án ly hôn đề ngày 17/7/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, Nguyên đơn bà Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Bà Thị Đ (gọi tắt là bà Đ) và ông Nguyễn Văn Th (gọi tắt là ông Th) tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân xã MT, huyện VT (nay thuộc huyện U), tỉnh Kiên Giang vào ngày 17/11/2004. Bà Đ và ông Th chung sống khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Th thường xuyên chửi mắng vợ, con vô cớ, không chí thú làm ăn nên kinh tế gia đình ngày càng khó khăn. Nay bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà Đ và ông Th có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 02/3/2004 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/3/2006. Các con đang sống chung với bà Đ. Khi ly hôn bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn Th vắng mặt tại phiên tòa. Theo Biên bản hòa giải ngày 11/8/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, Bị đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Về hôn nhân: Ông Th và bà Đ tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân xã MT, huyện VT (nay thuộc huyện U), tỉnh Kiên Giang vào ngày 17/11/2004. Ông Th thừa nhận trong thời gian chung sống giữa ông và bà Đ có xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Ông Th đồng ý ly hôn với bà Đ.

Về con chung: Ông Th và bà Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 02/3/2004 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/3/2006. Các con đang sống chung với bà Đ. Khi ly hôn ông Th yêu cầu được nuôi dưỡng Nguyễn Gia B, giao cho bà Đ nuôi dưỡng Nguyễn Thị Thảo Ng. Ông Th không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Đ giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Th; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Văn Th được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa xét xử, nhưng ông Th vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Th và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung, nên đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con*”.

[3] *Về hôn nhân:* Bà Đ và ông Th thống nhất trước đây hai người tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân xã MT, huyện VT (nay thuộc huyện U), tỉnh Kiên Giang vào ngày 17/11/2004. Bà Đ và ông Th chung sống khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa bà Đ giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông Th đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; tại phiên hòa giải ông Th cũng thống nhất ly hôn với bà Đ. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ.

[4] *Về con chung:* Bà Đ và ông Th có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 02/3/2004 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/3/2006. Các con đang sống chung với bà Đ.

Ông Th và bà Đ thỏa thuận để bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng Thảo Ng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với Gia B thì hai bên không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi dưỡng.

Xuất phát từ tình thương của cha, mẹ đối với con nên bà Đ và ông Th đều có nguyện vọng nuôi dưỡng Gia B. Tuy nhiên xét thấy Gia B đang sống ổn định với bà Đ, được chăm sóc và phát triển bình thường như những đứa trẻ cùng trang lứa. Tại phiên tòa cháu Gia B cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ (bà Thị Đ). Mặt khác khi được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa ông Th vắng mặt, không thể hiện ý chí cương quyết muốn được nuôi con.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, thống nhất giao Nguyễn Thị Thảo Ng và Nguyễn Gia B cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đ và các thành viên gia đình không được cản trở ông Th thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Đ và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 6, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bà Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

2. *Về con chung*: Giao Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh ngày 02/3/2004, giới tính nữ và Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/3/2006, giới tính nam (đang sống chung với bà Đ) cho bà Thị Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đ và các thành viên gia đình không được cản trở ông Th thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Đ và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. *Về án phí sơ thẩm*: Bà Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Thị Đ đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006601, ngày

19/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Bà Đ đã nộp xong.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện UMT;
- Chi cục THADS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Chính